TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2022/DS-PT
Ngày: 29/6/2022
V/v tranh chấp "*Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hữu Tính.

Các thẩm phán: Ông Huỳnh Việt Trung.

Ông Võ Ngọc Giàu.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Thủy, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 73/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp *"Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 25/01/2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXPT-DS ngày 04/5/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn B, sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Trần Ngọc Q – Văn phòng luật sư Phạm Thị Kim T, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Trần Văn B1, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trương Văn T, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

3.2 Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tiền Giang;

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh B2- Giám đốc (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 371 đường H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Người làm chứng:

4.1. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4.2. Anh Lưu Hữu T, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

4.3. Anh Hồ Văn Th, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp 2, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4.4. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1951 (có mặt);

Địa chỉ: Số 101 ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

4.5. Ông Đào Quang Ph, sinh năm: 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn B và Luật sư Trần Ngọc Q là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn B trình bày:

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, ông Trần Văn B1 kêu người đến lấp cống xả nước đầm tôm của ông B, đầm tôm tọa lạc tại khu 352 ha, Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 18 tháng 11 năm 2020, ông B1 ngang nhiên bữa bờ ranh giữa ông B với ông B1 làm cho cá tôm tôi đi qua đầm ông Trương Văn T. Thời gian ông B không thể thu hoạch tôm, cá, cua là từ ngày 02 tháng 6 năm 2020 đến hết tháng 6 năm 2021. Việc làm của ông B1 gây thiệt hại cho ông B gồm: Tiền mua tôm giống là 54.000.000 đồng *(năm mươi bốn triệu đồng)*; tiền mua cua giống là 6.400.000 đồng *(sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng)*, số tiền thu hoạch cua, tôm, cá mỗi tháng là 15.000.000 đồng *(mười lăm triệu đồng)*, thời gian không thể khai thác được với tổng cộng số tiền là 180.000.000 đồng *(một trăm tám mươi triệu đồng)*.

Nay ông Trần Văn B yêu cầu ông Trần Văn B1 bồi thường số tiền là 240.400.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng)*, yêu cầu ông Trần Văn B1 chấm dứt thực hiện hành vi cản trở việc ông Trần Văn B khai thác, sử dụng đầm tôm của ông B.

Theo đơn khởi kiện phản tố, bản tự khai và quá trình tố tụng bị đơn ông Trần Văn B1 trình bày:

Năm 1994, tôi thuê đất của Ban quản lý các dự án nuôi trồng thủy sản, tôi bỏ vốn đầu tư để đào đầm nuôi thủy sản. Sau đó, tôi có cho ông B mượn 05 ha để canh tác, ông B trả cho tôi số tiền thuê của nhà nước tính trên diện tích ông B sử

dụng, ngoài ra tôi không thu thêm tiền gì khác của ông B. Năm 2018, khi hết hạn hợp đồng thuê thì tôi có yêu cầu ông B trả để đất để tôi trả lại cho nhà nước. Nay, tôi không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B.

Tôi có đơn khởi kiện phản tố yêu cầu ông B chấm dứt thực hiện hành vi cản trở quyền sử dụng đất; yêu cầu ông B dọn đi trả lại phần đất để tôi thực hiện nghĩa vụ trả đất thuê lại cho nhà nước.

Tại phiên tòa, ông B1 rút toàn bộ yêu cầu phản tố đối với phía nguyên đơn.

Theo Bản tự khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Văn T trình bày:

Phần đất mà ông B và ông B1 đang tranh chấp là của ông B1 thuê của Ban quản lý và khai thác các dự án nuôi trồng thủy sản. Hiện tại, tôi chỉ quản lý phần đất này cho ông B1 để ông B1 thực hiện nghĩa vụ trả lại cho nhà nước vì đã hết hạn hợp đồng, tôi không trực tiếp khai thác sử dụng phần đất này. Tôi không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông B. Tôi biết ông B còn thuê một phần đất đầm khác ở Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Từ năm 2018, sau khi nhà nước có chủ trương thu hồi đất thì tôi đã quản lý giúp ông B1 phần đất tranh chấp này nên không có việc đến năm 2020 ông B thả tôm giống, cua giống trong phần đất các bên đang tranh chấp.

Theo Công văn số 127/TTPTQĐ- NV ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tiền Giang đại diện theo pháp luật ông Trần Thanh B2 trình bày:

Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang giao đất theo quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện T và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất và Đầu tư xây dựng hạ tầng quản lý. Khu đất này trước đây do Ban quản lý và khai thác dự án nuôi trồng thủy sản là đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý và cho thuê. Đến ngày 13/10/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành quyết định số 2703/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Ban quản lý dự án và khai thác các dự án nuôi trồng thủy sản, phần đất tọa lạc tại Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi, giao cho Ủy ban nhân dân huyện T quản lý khu 352 ha. Đến ngày 17/4/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành quyết định số 1019/QĐ-UBND thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện T và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất và Đầu tư xây dựng hạ tầng tỉnh Tiền Giang quản lý.

Tình hình khu đất cho thuê trước đây của Ban quản lý và khai thác dự án Nuôi trồng thủy sản ký kết hợp đồng cho thuê đất và đến ngày 13/10/2015 giao lại cho Ủy ban nhân dân huyện T quản lý. Sau đó, Ủy ban nhân dân huyện T ủy quyền cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện ký kết phụ lục hợp đồng tiếp tục cho 24 cá nhân thuê, trong đó có 22 cá nhân nuôi tôm quảng canh cải tiến và 02 cá nhân nuôi tôm công nghiệp. Tất cả các hợp đồng này đều hết hạn vào năm 2018.

Về phần đất ông Trần Văn B và ông Trần Văn B1 đang tranh chấp trong khu 352 ha thuộc Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang hiện do Trung tâm phát triển

quỹ đất quản lý. Khu đất này đã hết hạn thuê đất ngày 31 tháng 12 năm 2018 nhưng hiện nay 24 cá nhân nhận thuê chưa giao đất lại cho Trung tâm quản lý.

Ngày 22/11/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang đã có quyết định số 3993/QĐ-UBND về việc thành lập tổ công tác khu 352 ha tại Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Tổ công tác đã có kế hoạch số 4715/KH-TCT ngày 19/12/2019 Kế hoạch thu hồi, thanh lý các hợp đồng thuê đất đã hết hạn và quản lý ở Khu 352 ha Ấp C, xã P, huyện T (trong đó có trường hợp thu hồi đất của ông Trần Văn B1).

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Văn B là Luật sư Trần Ngọc Q trình bày: Ông B1 đã có hành vi gây thiệt hại thực tế cho ông B với số tiền tôm giống là 54.000.000 đồng *(năm mươi bốn triệu đồng)*; tiền cua giống là 6.400.000đ *(sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng)*, tiền không thể thu hoạch tôm, cua với số tiền tổng cộng là 180.000.000 đồng *(một trăm tám mươi triệu đồng)*. Lỗi trong việc gây ra thiệt hại cho ông B hoàn toàn do ông B1 gây ra. Căn cứ vào Điều 585, Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B. Buộc ông Trần Văn B1 bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho ông Trần Văn B với số tiền tổng cộng là 240.400.000đ *(Hai trăm bốn mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng)*. Buộc ông Trần Văn B1 chấm dứt thực hiện hành vi cản trở việc ông Trần Văn B khai thác, sử dụng đầm tôm của ông B tại khu 352 ha thuộc Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 169, 584, 585, 589 Bộ Luật dân sự; Điều 147, 235, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn B về việc yêu cầu ông Trần Văn B1 bồi thường số tiền là 240.400.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng)* và yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B yêu cầu ông Trần Văn B1 chấm dứt thực hiện hành vi cản trở việc sử dụng trái phép việc sử dụng đầm tôm tại khu 352 ha thuộc Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn ông Trần Văn B1 về việc yêu cầu ông Trần Văn B chấm dứt thực hiện hành vi cản trở quyền sử dụng đất và trả lại quyền sử dụng đất.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Buộc ông Trần Văn B phải chịu 12.320.000 đồng *(Mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 3.760.000 đồng *(Ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí theo biên lai số 49638 ngày 04 tháng 01 năm 2021 và số tiền 2.550.000 đồng theo biên lai thu số 49803 ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên ông

Trần Văn B phải nộp tiếp số tiền là 6.010.000 đồng *(Sáu triệu không trăm mười nghìn đồng)*.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 28 tháng 01 năm 2022, nguyên đơn ông Trần Văn B có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Văn B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không có nộp bổ sung, tài liệu chứng cứ.

Luật sư Trần Ngọc Q trình bày ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Trần Văn B: Ông Trần Văn B1 đã thừa nhận có hành vi dùng Kobe lấp cống xã nước đầm tôm của ông B và phá bờ ranh đầm tôm của ông B và ông B1 làm tôm, cua, cá của ông B đi qua đầm của ông T. Hành vi của ông B1 là hành vi trái pháp luật, ông B đã chứng minh được thiệt hại qua các hóa đơn mua tôm, cua giống và xác nhận của cơ sở thu mua thủy sản nơi ông B bán cá, tôm, cua hàng tháng. Như vậy, thiệt hại của ông B thực tế là có xảy ra và nó do hành vi trái pháp luật của ông B1 gây ra nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông B, sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B.

Bị đơn ông Trần Văn B1 đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân Sự. Về nội dung vụ án đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn B, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Xét quan hệ pháp luật tranh chấp; Thời hạn kháng cáo; Sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp "Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật" được quy định tại Điều 169 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

[1.2] Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 28/01/2022 và biên lai nộp tạm ứng án phí phúc thẩm cùng ngày của nguyên đơn ông Trần Văn B thì nguyên đơn kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh B2 là người đại diện theo pháp luật cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tiền Giang, người làm chứng gồm ông Nguyễn Văn K, ông Lưu Hữu T, ông Hồ Văn Th nhưng những người này vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 294, 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B2, ông Kiệt, ông Thọ và ông Theo.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Trần Văn B về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về tài sản mà ông Trần Văn B trình bày là đầm tôm bị ông B1 gây thiệt hại nằm trong phần đất ông Trần Văn B1 thuê của Ban quản lý và khai thác các dự án nuôi trồng thủy sản với diện tích là 480.460,6m^2 thuộc khu 352 ha tọa lạc Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Ông Trần Văn B không có hợp đồng thuê đất bao gồm cả việc gia hạn hợp đồng của Ủy ban nhân dân huyện T, ông B sử dụng phần đất trên là do ông B1 cho mượn lại và ông B chỉ thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê cho Nhà nước đối với diện tích thực tế sử dụng 05 ha thông qua ông B1. Khu đất này đã hết hạn thuê ngày 31 tháng 12 năm 2018, hiện nay do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tiền Giang quản lý nhưng 24 cá nhân thuê đất chưa bàn giao đất. Ông B biết được chủ trương này của Nhà nước và ông B1 cũng đã nhiều lần yêu cầu ông B giao trả đất để ông B1 thực hiện thanh lý hợp đồng thuê giao trả đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tiền Giang nhưng ông B chưa thực hiện.

Ngày 22/11/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang đã có quyết định số 3993/QĐ-UBND về việc thành lập tổ công tác khu 352 ha tại Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Tổ công tác đã có kế hoạch số 4715/KH-TCT ngày 19/12/2019 Kế hoạch thu hồi, thanh lý các hợp đồng thuê đất đã hết hạn và quản lý ở Khu 352 ha Ấp C, xã P, huyện T, trong đó có trường hợp thu hồi đất của ông Trần Văn B1.

[2.2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông B yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông buộc Trần Văn B1 bồi thường thiệt hại với số tiền là 240.400.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi triệu, bốn trăm nghìn đồng*) gồm các khoản cụ thể: tiền mua tôm giống là 54.000.000 đồng (*Năm mươi bốn triệu đồng*); tiền mua cua giống là 6.400.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*); số tiền thu hoạch cua, tôm mỗi tháng là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*), thời gian không thể khai thác được là 12 tháng với tổng cộng số tiền là 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*). Căn cứ đơn khởi kiện của ông B xác định đây là yêu cầu bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

[2.2.1] Xác định thiệt hại thực tế: Ông Trần Văn B yêu cầu bồi thường tiền mua tôm giống là 54.000.000 đồng (*Năm mươi bốn triệu đồng*); tiền mua cua giống là 6.400.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*), tuy ông B có cung cấp được hóa đơn cơ sở cung cấp tôm, cua giống nhưng ông không có cơ sở để chứng minh số tôm, cua trên ông B đã thả vào đầm tôm tranh chấp giữa ông B và ông B1. Ông B cho rằng có thiệt hại về thu hoạch đầm tôm, cua mỗi tháng 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*) trên cơ sở xác nhận của cơ sở thu mua hải sản nơi ông bán cá, tôm, cua hàng tháng nhưng không có cơ sở chứng minh số tôm, cua, cá trên do

ông B thu hoạch từ đầm tôm đang tranh chấp. Ông B thừa nhận ngoài đầm tôm tranh chấp với ông B1, ông B còn canh tác đầm tôm khác thuê ở Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên không thể xác định ông B đã thả tôm, cua giống và nguồn thu tôm, cua, cá bán hàng tháng là từ đầm tôm tranh chấp với ông B1. Ngoài ra, ông B1 lấp cống chứ không khai cống xổ đầm tôm ông B ra kênh công cộng, ông B1 phá bờ ranh giữa đầm tôm ông B và ông B1 là để cho nước từ đầm tôm ông B1 chảy qua đầm tôm ông B do ông B xổ đầm không còn nước. Tại biên bản về việc hỗ trợ ông B khai thông cống xổ theo ý kiến kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ngày 20/11/2020 có đoạn *"Hôm nay, tôi khai thông cống xổ để thu hoạch tài sản theo ý kiến kết luận của ông Bùi Thanh S– Chủ tịch Ủy ban nhân nhân huyện T thì ông Trần Văn B1 đến cản trở việc khai thông cống xổ của tôi và ông Trần Văn B1 nói tôi khai cống xong sẽ cho Kobe lắp lại"*. Như vậy, hành vi trái pháp luật của ông B1 dẫn đến thiệt hại của ông B như ông B trình bày chưa xảy ra, ngày 20/11/2020 ông B được hỗ trợ của lực lượng công an xã có thể thực hiện việc mở cống xổ thu hoạch tài sản trong đầm nhưng ông không thực hiện nên không có gì chứng minh trong đầm ông B có các tài sản như ông B nêu đã thiệt hại. Do không có thiệt hại thực tế xảy ra nên không cần xét đến các yếu tố hành vi trái pháp luật, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và hậu quả xảy ra cũng như lỗi của người thực hiện hành vi là ông B1.

[2.3] Xét việc ông Trần Văn B yêu cầu ông Trần Văn B1 chấm dứt thực hiện hành vi cản trở việc sử dụng trái phép đầm tôm tại khu 352 ha thuộc Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Xét thấy tại công văn *số* 127/TTPTQĐ- NV ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tiền Giang đã xác định: Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang giao đất theo quyết định số 1019/QĐ-UBND ngày 17/4/2018 về việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện T và giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất và Đầu tư xây dựng hạ tầng quản lý. Mặt khác, ông Trần Văn B1 là người trực tiếp thuê đất của Ban quản lý và khai thác các dự án nuôi trồng thủy sản với diện tích là 480.460,6m^2 trong khu 352 ha thuộc Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang từ năm 1994. Ông Trần Văn B không có hợp đồng thuê đất bao gồm cả việc gia hạn hợp đồng của Ủy ban nhân dân huyện T, ông B sử dụng phần đất trên là do ông B1 cho mượn lại 05 ha và ông B chỉ thực hiện nghĩa vụ trả tiền thuê cho Nhà nước đối với diện tích thực tế sử dụng. Đến năm 2018, khi hết hạn hợp đồng thuê Nhà nước có quyết định thu hồi đất ông B cũng biết việc này và ông B1 cũng đã có yêu cầu ông B trả lại phần đất cho mượn để ông B1 thực hiện nghĩa vụ thanh lý hợp đồng thuê với Nhà nước. Như vậy, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Tiền Giang là đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất nên ông Trần Văn B yêu cầu ông Trần Văn B1 chấm dứt thực hiện hành vi cản trở việc sử dụng đầm tôm tại khu 352 ha thuộc Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang là không có căn cứ.

[2.4] Do đó, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn B là có cơ sở.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn B và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông không đưa ra được chứng cứ nào khác ngoài

những chứng cứ đã thu thập tại Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2.6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[2.7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 169, 584, 585, 589 Bộ Luật Dân sự; Điều 147, 235, 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật thi hành án Dân Sự.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2022/DS-ST ngày 25/01/2022 của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

1.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B về việc yêu cầu ông Trần Văn B1 bồi thường số tiền là 240.400.000 đồng *(Hai trăm bốn mươi triệu bốn trăm nghìn đồng)* và yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn B yêu cầu ông Trần Văn B1 chấm dứt thực hiện hành vi cản trở việc sử dụng trái phép việc sử dụng đầm tôm tại khu 352 ha thuộc Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Trần Văn B1 về việc yêu cầu ông Trần Văn B chấm dứt thực hiện hành vi cản trở quyền sử dụng đất và trả lại quyền sử dụng đất.

1.3. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Buộc ông Trần Văn B phải chịu 12.320.000 đồng *(Mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 3.760.000 đồng *(Ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí theo biên lai số 49638 ngày 04 tháng 01 năm 2021 và số tiền 2.550.000 đồng (*Hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 49803 ngày 10 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T nên ông Trần Văn B phải nộp tiếp số tiền là 6.010.000 đồng *(Sáu triệu không trăm mười nghìn đồng)*.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008114 ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công bố bản án CTTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
DSPT-2022-T

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hữu Tính